

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2026/HNGĐ-PT

Ngày 09 - 4 - 2026

V/v "ly hôn và tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Phi Yên

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Hà Nam

Bà Đỗ Thị Thúy Năng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quan Rin - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2025/TLPT-HNGĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc "ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"; Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 43/2025/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2025/QĐXX-PT ngày 03 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1993; Căn cước công dân 049193010496; Địa chỉ tạm trú: Số A, T, tổ G, phường L, thành phố Đà Nẵng; Nơi đăng ký thường trú: thôn H, xã B, tỉnh Quảng Trị (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Phan Xuân V, sinh năm 1989; Căn cước công dân 045089008719; Địa chỉ tạm trú trước đây: Số A, T, tổ G, phường L, thành phố Đà Nẵng; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn H, xã B, tỉnh Quảng Trị (có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phan Xuân V có Luật sư Trần Thanh B - Công ty L1 (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Nguyên đơn Phan Xuân V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng, nguyên đơn Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Xuân V kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, G, Quảng Trị (nay thuộc xã B - Quảng Trị), hôn

nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì đến năm 2024 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông V hay đánh đập bà, mặc dù hai bên gia đình khuyên ngăn nhưng vợ chồng không có tiếng nói chung và đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Hiện bà không còn tình cảm với ông V nên bà đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông V.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung Phan Nguyễn Đức A, sinh ngày 20/06/2016 và Phan Nguyễn Bảo K, sinh ngày 15/12/2020. Ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Bảo K và giao con Nguyễn Đức A cho ông V nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Thời kỳ hôn nhân, vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

Quá trình tố tụng, bị đơn Phan Xuân V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Về quan hệ con chung: Ông xác nhận có 02 con chung Phan Nguyễn Đức A, sinh ngày 20/06/2016 và Phan Nguyễn Bảo K, sinh ngày 15/12/2020 như bà L trình bày. Ly hôn, ông có nguyện vọng được nuôi hai con, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Với nội dung như trên, Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 43/2025/HNGĐ-ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng quyết định như sau:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với ông Phan Xuân V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn đối với ông Phan Xuân V.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Phan Nguyễn Đức A, sinh ngày 20/06/2016 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Phan Nguyễn Bảo K, sinh ngày 15/12/2020 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/10/2025, bị đơn ông Phan Xuân V có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về con chung, ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giao hai con chung cho ông trực tiếp nuôi dưỡng, ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu

quan điểm về pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung vụ án như sau:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Xuân V, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa và nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Ngày 01/10/2025, bị đơn ông Phan Xuân V có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về con chung trong thời hạn luật định, xét thấy đơn kháng cáo hợp lệ theo quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét kháng cáo.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt đối với bà L.

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Phan Xuân V về con chung thì thấy:

[3] Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, ông V cung cấp các chứng cứ chứng minh cháu Phan Nguyễn Bảo K bị bệnh phổi biệt lập ngoài thùy ở thùy dưới phổi trái đã được phẫu thuật, sức khỏe của cháu yếu; cháu K và cháu Phan Nguyễn Đức A sống gắn kết với nhau từ nhỏ. Ngoài ra, ông V còn cho rằng bà L ngoại tình, không có chỗ ở ổn định và không có trách nhiệm với các con; bà L không về thăm con từ khi vợ chồng ông ly hôn đến nay. Do đó ông đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giao hai con cho ông nuôi dưỡng và ông không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Khi ly hôn, ông V và bà L đều có nguyện vọng được nuôi con và nguyện vọng này là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ về quyền lợi mọi mặt của con. Quá trình chung sống, cả ông V và bà L đều có trách nhiệm với các con thể hiện trong thời gian vợ chồng vào Đà Nẵng sinh sống thì cả hai dành dụm gởi tiền về quê cho ông bà nội chăm sóc giúp hai con. Từ khi khởi kiện cho đến tại phiên tòa sơ thẩm, bà L tha thiết được quyền nuôi dưỡng con mà cụ thể bà yêu cầu nuôi dưỡng cháu Bảo K, điều này là phù hợp. Bởi lẽ cháu K là cháu gái, tại thời điểm xét xử sơ thẩm cháu K chưa đủ 5 tuổi, độ tuổi rất cần có sự chăm sóc chu đáo từ người mẹ. Đối với cháu Đức A, cháu có nguyện vọng được ở với ông V nên Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu A cho ông V nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp và đảm bảo quyền lợi của các bên.

[5] Việc ông V cho rằng, cháu K bị bệnh phổi biệt lập ngoài thùy ở thùy dưới phổi trái đã được phẫu thuật, sức khỏe của cháu yếu mà bà L thì không có trách nhiệm

với con nên ông đề nghị giao cho ông nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: cháu K bị bệnh phổi biệt lập ngoài thùy ở thùy dưới phổi trái từ khi bẩm sinh và cháu đã được phẫu thuật từ năm 2022, đến thời điểm hiện nay sức khỏe cháu đã ổn định và phát triển tốt.

[6] Ngoài ra, ông V cung cấp Giấy xác nhận của những người dân sống tại địa phương của ông xác nhận ông V, cha mẹ ông V hiện đang nuôi hai cháu Phan Nguyễn Đức A và Phan Nguyễn Bảo K ổn định tại thôn H, xã B, tỉnh Quảng Trị và từ thời điểm ly hôn cho đến nay không thấy bà L về địa phương thăm nom, chăm sóc các cháu. Tuy nhiên đây không phải là căn cứ để khẳng định bà L không có trách nhiệm với các con. Thực tế bà L không từ bỏ quyền nuôi dưỡng con của mình.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông V, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về con chung.

[8] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông V không được chấp nhận nên ông V phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Xuân V về con chung.

2. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 43/2025/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng về con chung như sau:

- Giao con Phan Nguyễn Đức A, sinh ngày 20/6/2016 cho ông Phan Xuân V trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Phan Nguyễn Bảo K, sinh ngày 15/12/2020 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Các đương sự có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Xuân V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp theo Biên lai thu số 0003594 (Ký hiệu: BLTU/25E) ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 09/4/2026.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Phi Yến